|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 446/TTr-UBND | *Hà Tĩnh, ngày 01 tháng 12 năm 2020* |

**TỜ TRÌNH
Về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng
các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

 Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

 Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

 Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

 Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biên pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

 Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

 Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

 Căn cứ các Luật chuyên ngành; Nghị định của Chính phủ; Thông tư, Thông tư liên tịch hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan;

 Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4486/TTr-STC ngày 23/11/2020 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 535/BC-STP ngày 23/11/2020;

 Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung chủ yếu như sau:

 **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH**

 **1. Cơ sở pháp lý**

Triển khai thực hiện Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thời gian qua, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các Nghị quyết: Số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016, số 64/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017, số 112/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018, số 148/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

 Bên cạnh đó, để hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh thúc đẩy phát triển kinh tế trong điều kiện phòng, chống dịch covid-19, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 214/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 quy định một số chính sách hỗ trợ, trong đó có quy định giảm mức thu đối với các khoản phí, lệ phí, bao gồm: Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo; Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Lệ phí cấp giấy phép xây dựng, có hiệu lực từ ngày 20/7/2020 và áp dụng đến hết ngày 31/12/2020.

 Các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phí, lệ phí nêu trên đều căn cứ vào Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. Hiện nay Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính đã bị thay thế bởi Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo quy định tại khoản 4 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: *Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực*.

 **2. Cơ sở thực tiễn**

 Tại Điều 8, Điều 9 Luật Phí và lệ phí năm 2015 quy định: Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân. Mức thu lệ phí được ấn định trước, không nhằm mục đích bù đắp chi phí; mức thu lệ phí trước bạ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.

 Tại Điều 4 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính quy định: Xây dựng mức thu các khoản phí, lệ phí cần đảm bảo: Căn cứ mức thu phí, lệ phí hiện hành (nếu có) để làm cơ sở đề xuất mức thu; Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí; Đối với các khoản phí, lệ phí vừa thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính vừa thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quy định mức thu phí, lệ phí cần đảm bảo tương quan với mức thu phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định; Tham khảo mức thu phí, lệ phí của các địa phương liền kề hoặc địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng để bảo đảm sự hài hòa giữa các địa phương.

 Qua báo cáo của Sở Tài chính, việc tổ chức thu phí, lệ phí trong thời gian qua đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và nâng cao hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ công. Mức thu phí và số tiền phí để lại đã cơ bản bù đắp chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí của tổ chức thu phí. Một số sở, ngành đề nghị điều chỉnh mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí và một số nội dung liên quan do: Một số khoản chi phí trong hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí có thay đổi; mức thu hiện hành chưa xác định đầy đủ các khoản chi phí liên quan; quy định của Trung ương có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung; một số sở, ngành thực hiện kiện toàn, tổ chức lại bộ máy nên có thay đổi về đơn vị tổ chức thu phí, lệ phí.

 Với cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc rà soát sửa đổi, bổ sung quy định về phí, lệ phí để đảm bảo hiệu lực thi hành, đồng thời phù hợp với tình hình thực tế của các đơn vị, địa phương và đảm bảo các nguyên tắc xây dựng phí, lệ phí theo quy định là hết sức cần thiết.

 **II. CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU TRONG PHƯƠNG ÁN QUY ĐỊNH PHÍ, LỆ PHÍ:**

**1. Các khoản phí đề nghị ban hành: 15 khoản phí** (Chi tiết tại Phương án kèm theo)

 1.1. Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống (đối với hoạt động bình tuyển, công nhận do cơ quan địa phương thực hiện).

 1.2. Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo.

 1.3. Phí thăm quan danh lam thắng cảnh (đối với danh lam thắng cảnh thuộc địa phương quản lý).

 1.4. Phí thăm quan di tích lịch sử (đối với di tích thuộc địa phương quản lý).

 1.5. Phí thư viện (đối với thư viện thuộc địa phương quản lý).

 1.6. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

 1.7. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

 1.8. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

 1.9. Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

 1.10. Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

 1.11. Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

 1.12. Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện).

 1.13. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

 1.14. Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

 1.15. Phí đăng ký giao dịch bảo đảm (đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện).

 **2. Các khoản lệ phí đề nghị ban hành: 07 khoản lệ phí** (Chi tiết tại Phương án kèm theo)

 2.1. Lệ phí đăng ký cư trú (đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện).

 2.2. Lệ phí cấp chứng minh nhân dân (đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện).

 2.3. Lệ phí hộ tịch.

 2.4. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (đối với cấp phép do cơ quan địa phương thực hiện).

 2.5. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.

 2.6. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng.

 2.7. Lệ phí đăng ký kinh doanh.

 **3. Các khoản phí chưa trình tại kỳ họp thứ 18 HĐND tỉnh khóa XVII:** Gồm 03 khoản phí: Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố; Phí thăm quan công trình văn hóa, bảo tàng; Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

 Đối với các khoản phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính nhưng chưa trình tại Kỳ họp thứ 18 HĐND tỉnh khóa XVII, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các sở chuyên ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ tình hình thực tế để xây dựng phương án phí khi thấy cần thiết và đủ điều kiện để thu phí; việc xây dựng mức thu phí đảm bảo theo các nguyên tắc tại Điều 4 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính và đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.

 **4. Thời gian thực hiện:** Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

**5. Các văn bản bị thay thế khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành:**

- Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và sửa đổi quy định đối tượng nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi điểm đ, điểm g khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Nghị quyết số 148/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

 Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- TTr HĐND tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Các Ban HĐND tỉnh;- Các đại biểu HĐND tỉnh;- Chánh, các PVP UBND tỉnh;- Lưu: VT, TH5. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH****Trần Tiến Hưng** |